

# BÁO CÁO VĨ MÔ

## THÁNG 02-2026

Chuyên viên Phân tích

**Mai Trung Nghĩa** Email: [nghiamt@vikkibanks.vn](mailto:nghiamt@vikkibanks.vn)

Nhân viên Phân tích

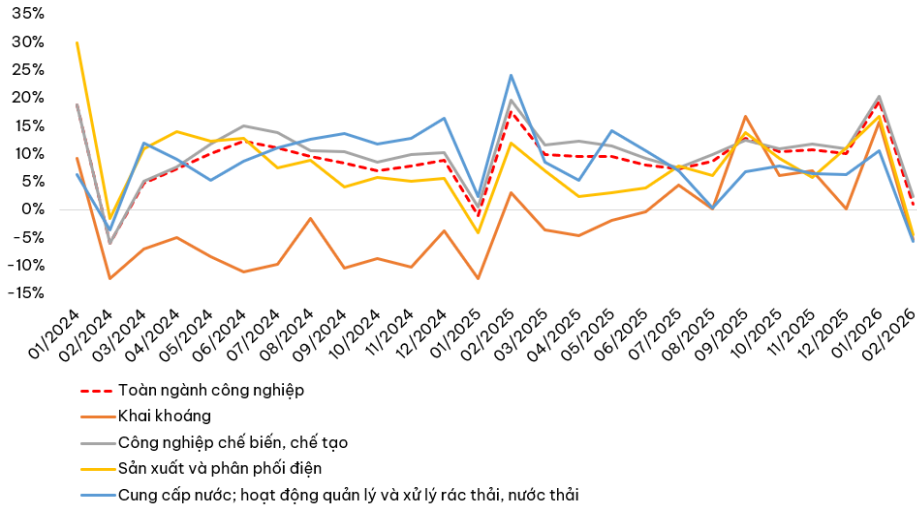
**Tạ Thanh Hoàn Như** Email: [nhutth@vikkibanks.vn](mailto:nhutth@vikkibanks.vn)

## TÓM TẮT SỰ KIỆN

Chủ đề	Sự kiện/Chỉ tiêu	Diễn biến chính	Đánh giá
Vĩ mô thế giới	Chiến tranh Trung Đông	Ngày 28/02, Israel phối hợp cùng Mỹ tiến hành loạt cuộc không kích và tấn công tên lửa nhắm vào các cơ sở quân sự, hạ tầng chiến lược cùng một số lãnh đạo cấp cao của Iran. Diễn biến này làm dấy lên lo ngại về nguy cơ leo thang căng thẳng, kéo theo những tác động tiêu cực tới tình hình an ninh và kinh tế toàn cầu. Trong bối cảnh bất ổn địa chính trị gia tăng, nhu cầu đối với các tài sản trú ẩn an toàn tăng mạnh, qua đó thúc đẩy chỉ số DXY và giá vàng thế giới nhanh chóng phục hồi.	Tiêu cực
	Iran phong tỏa eo biển Hormuz	Ngày 01/03, Iran tiến hành phong tỏa eo biển Hormuz khiến nguồn cung dầu thô toàn cầu bị gián đoạn khi mỗi ngày có khoảng 15-20% nguồn cung được vận chuyển qua tuyến đường huyết mạch này. Trước rủi ro nguồn cung bị thắt chặt, giá dầu thế giới tăng vọt và tiến sát ngưỡng 120 USD/thùng trong phiên giao dịch ngày 09/03. Nếu tình hình chiến sự tiếp tục leo thang và tình trạng thiếu hụt nguồn cung kéo dài sẽ tạo áp lực lên các nhà sản xuất và người tiêu dùng, đồng thời gây khó khăn cho các nhà hoạch định chính sách trong việc kiểm soát lạm phát cũng như đạt được các mục tiêu tăng trưởng kinh tế.	Tiêu cực
	Nhóm G7 thảo luận biện pháp ổn định thị trường năng lượng toàn cầu	Các bộ trưởng tài chính Nhóm G7 nước công nghiệp hàng đầu thế giới (G7) họp khẩn vào ngày 9/3 để thảo luận về tác động của chiến sự Trung Đông và phương án phối hợp sử dụng các công cụ cần thiết để bình ổn thị trường, trong đó có khả năng giải phóng kho dự trữ.	Tích cực
Vĩ mô Việt Nam	Chỉ số giá tiêu dùng CPI	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 02/2026 tăng 1,14% so với tháng trước và tăng 3,35% so với cùng kỳ năm 2025, nguyên nhân là do sức mua gia tăng trong đợt cao điểm mua sắm Tết Nguyên Đán. Bình quân hai tháng đầu năm 2026, CPI tăng 2,94% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 3,47%. Tuy nhiên, mức tăng này vẫn nằm trong ngưỡng kiểm soát, cho thấy áp lực giá cả chưa quá lớn.	Trung lập
	Chỉ số PMI bậc tăng mạnh	Chỉ số PMI đạt 54,3 điểm và duy trì tích cực trong 8 tháng liên tiếp, thể hiện đà tăng trưởng vững vàng của ngành sản xuất. Sản lượng ghi nhận mức tăng mạnh nhất 19 tháng, kéo theo tốc độ tạo việc làm đạt đỉnh kể từ tháng 9/2022.	Tích cực

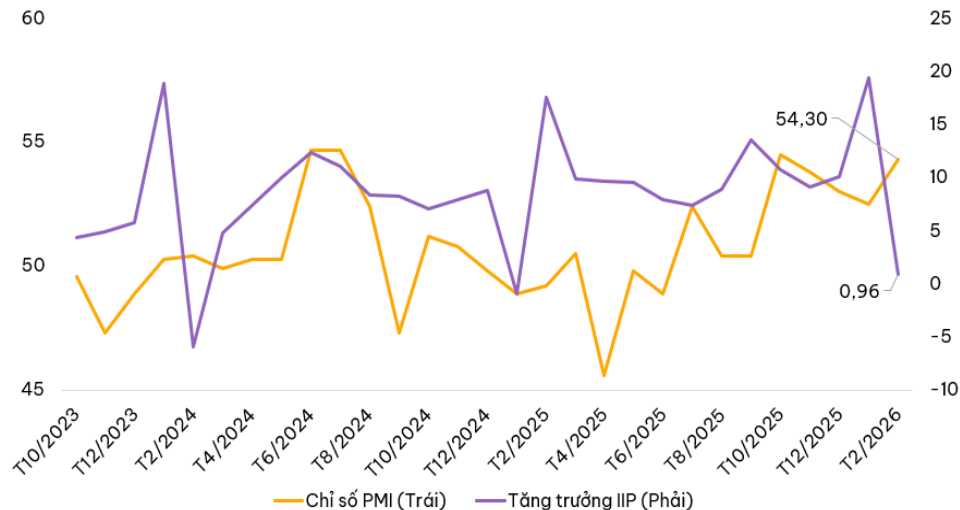


**Hình 1: Tăng trưởng IIP của Việt Nam (%YoY)**



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

**Hình 2: Chỉ số PMI & Tăng trưởng IIP (%YoY)**



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

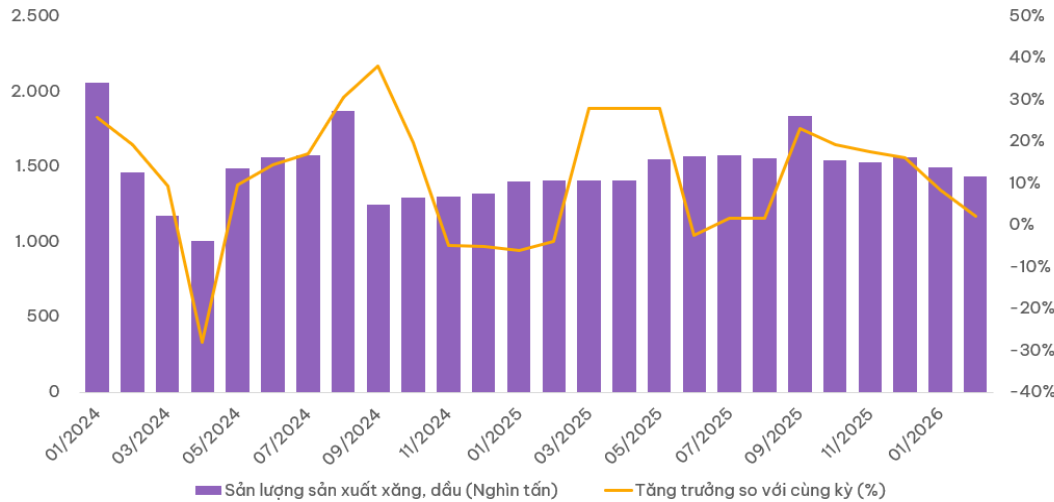
**Hình 3: Tăng trưởng IIP của một số ngành công nghiệp trọng điểm**

Chỉ tiêu	Tăng trưởng		Tăng trưởng	
	Tháng 1 năm 2026 (YoY)	Tháng 2 năm 2026 (YoY)	Tháng 1 năm 2026 (YoY)	2 tháng đầu năm 2026 (YoY)
Sản xuất kim loại	23,99%	32,48%	27,91%	
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	32,55%	7,83%	20,07%	
Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế	5,94%	1,78%	3,86%	
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	48,03%	16,77%	33,05%	
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	32,22%	4,43%	18,07%	
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	21,92%	-3,93%	9,27%	
Sản xuất đồ uống	26,28%	14,66%	20,90%	
Sản xuất, chế biến thực phẩm	19,76%	6,54%	13,20%	
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang	17,87%	-2,10%	7,97%	
Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên	11,23%	0,70%	6,11%	
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	11,34%	8,77%	10,17%	
Dệt	17,50%	3,56%	10,50%	
Sản xuất thiết bị điện	18,80%	-6,91%	5,55%	
Sản xuất phương tiện vận tải khác	17,93%	-21,46%	-2,70%	

Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

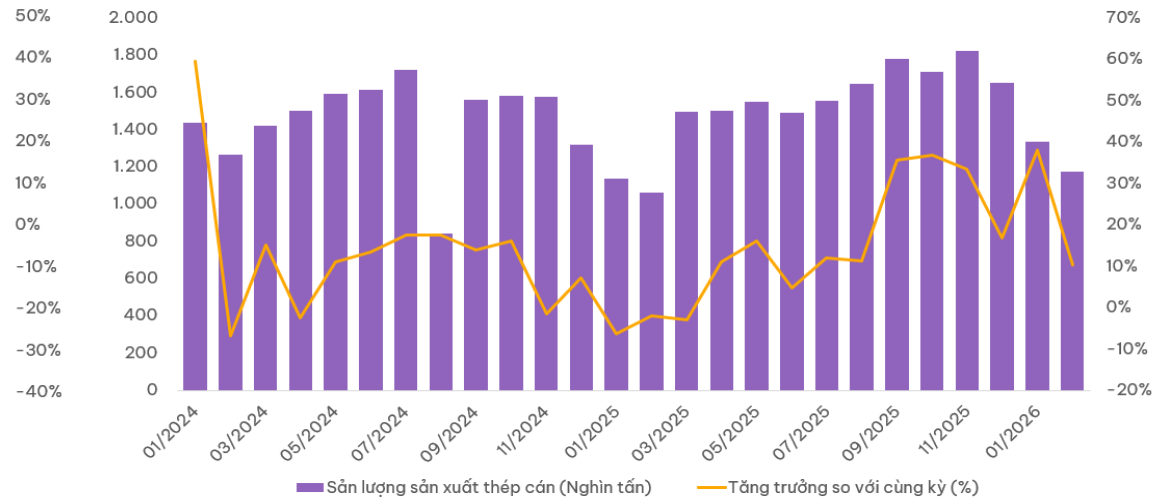
- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 02/2026 ước giảm 18,4% so với tháng trước (do số ngày làm việc ít hơn vào tháng Tết) và tăng 1,0% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo 2,3% so với cùng kỳ năm trước; ngành khai khoáng giảm 5,3%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 5,6%; sản xuất và phân phối điện giảm 4,5%. Tính chung hai tháng đầu năm 2026, chỉ số IIP ước tăng 10,4% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2025 tăng 7,5%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 11,5% (cùng kỳ năm 2025 tăng 9,1%), đóng góp 8,9 điểm phần trăm trong mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 6,3% (cùng kỳ năm 2025 tăng 4,3%), đóng góp 0,6 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,1% (cùng kỳ năm 2025 tăng 12,9%), đóng góp 0,03 điểm phần trăm; ngành khai khoáng tăng 5,4% (cùng kỳ năm 2025 giảm 5,2%), làm tăng 0,9 điểm phần trăm trong mức tăng chung.
- Chỉ số PMI ngành sản xuất đạt 54,3 điểm trong tháng 2, cho thấy sự cải thiện rõ ràng hàng tháng về điều kiện kinh doanh vào đầu năm 2026. Đồng thời, cho thấy sức khỏe của lĩnh vực sản xuất đã mạnh lên trong tám tháng liên tiếp.

**Hình 4: Sản lượng xăng, dầu theo tháng (%YoY)**



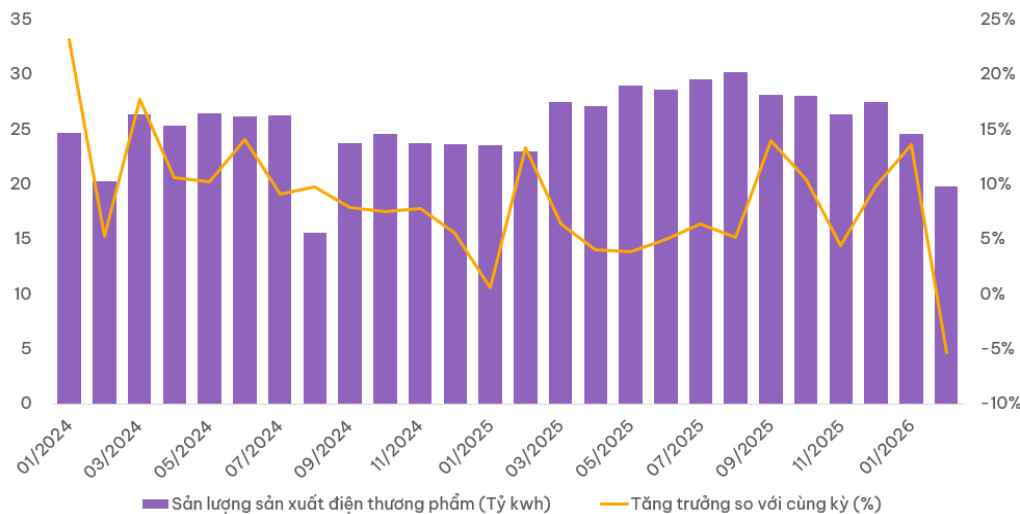
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

**Hình 5: Sản lượng thép cán theo tháng (%YoY)**



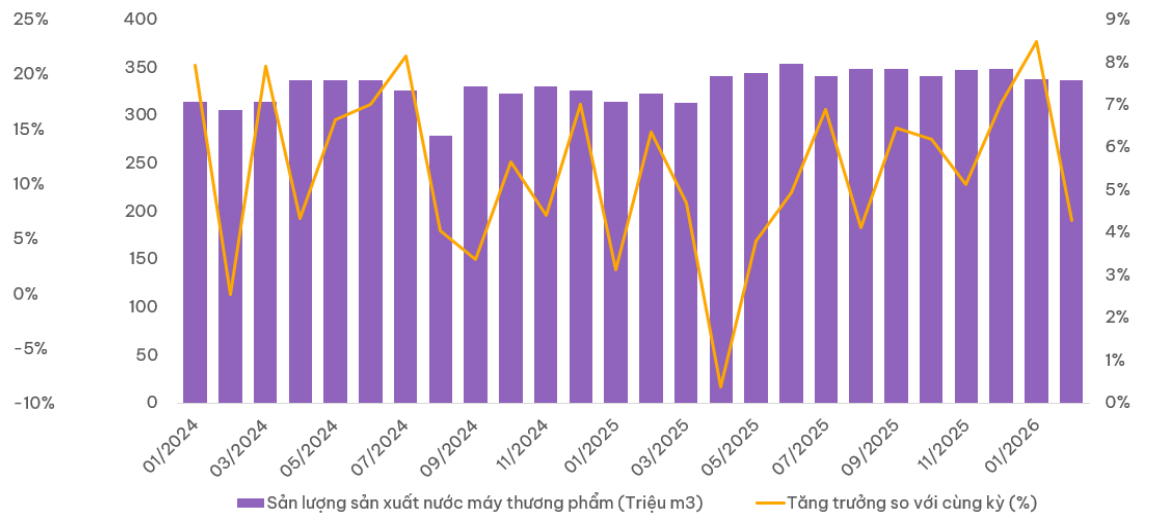
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

**Hình 6: Sản lượng sản xuất điện thương phẩm theo tháng (%YoY)**



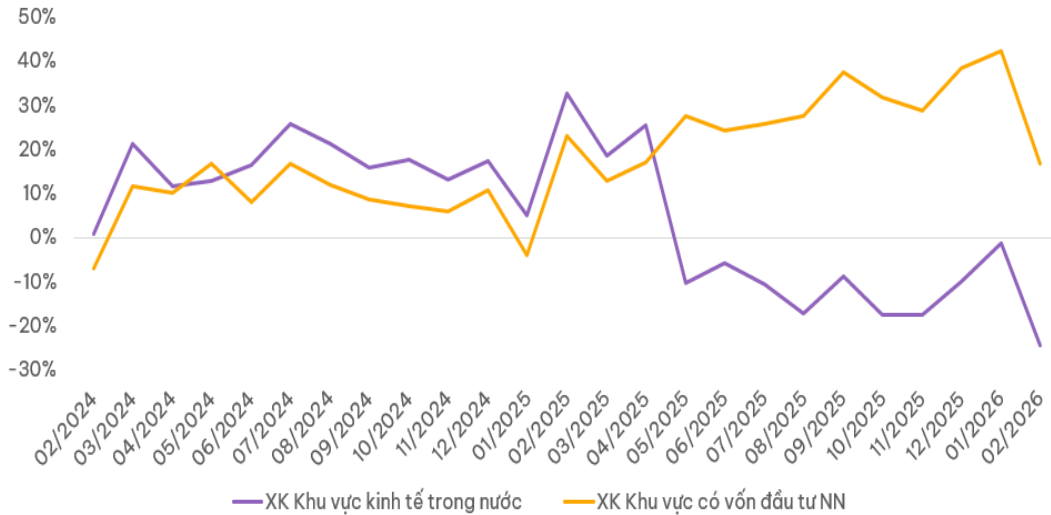
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

**Hình 7: Sản lượng sản xuất nước máy thương phẩm theo tháng (%YoY)**



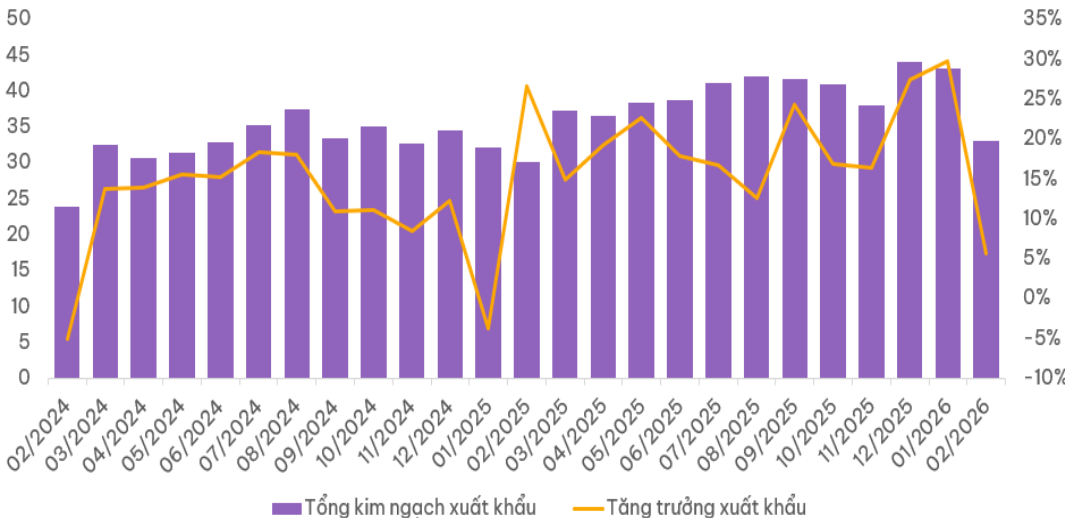
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

**Hình 8: Tăng trưởng xuất khẩu qua các tháng (%YoY)**



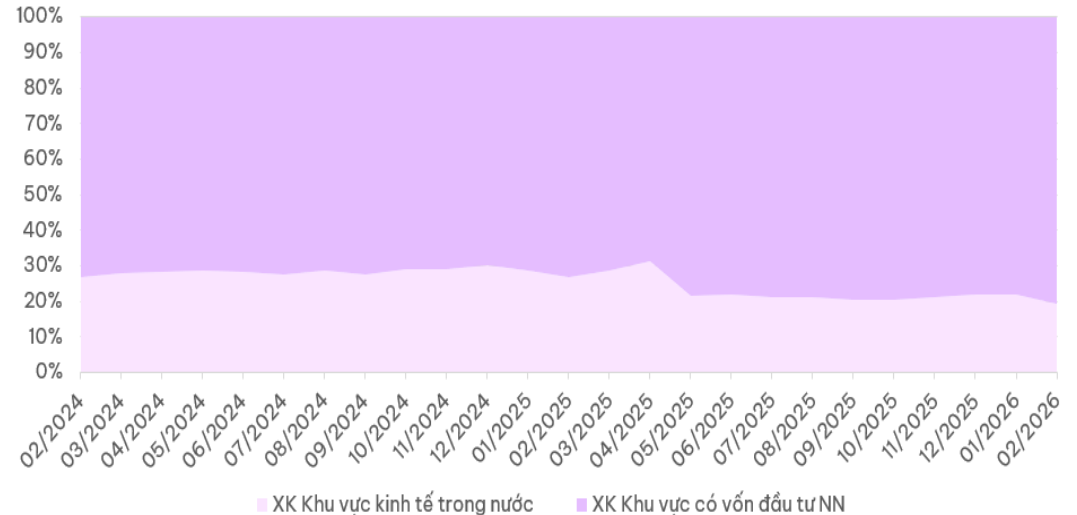
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

**Hình 10: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa qua các tháng (%YoY)**



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

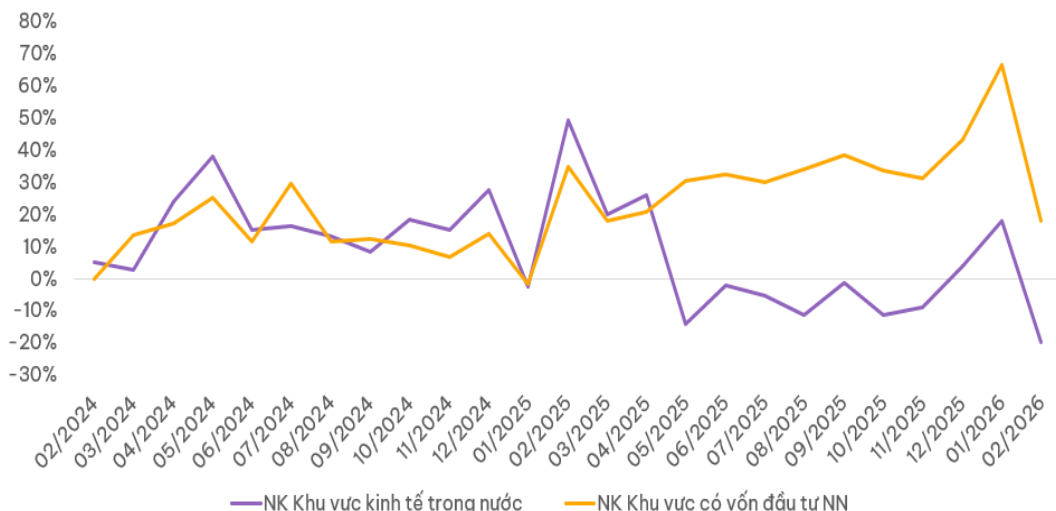
**Hình 9: Cơ cấu xuất khẩu theo nhóm qua các tháng (%YoY)**



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

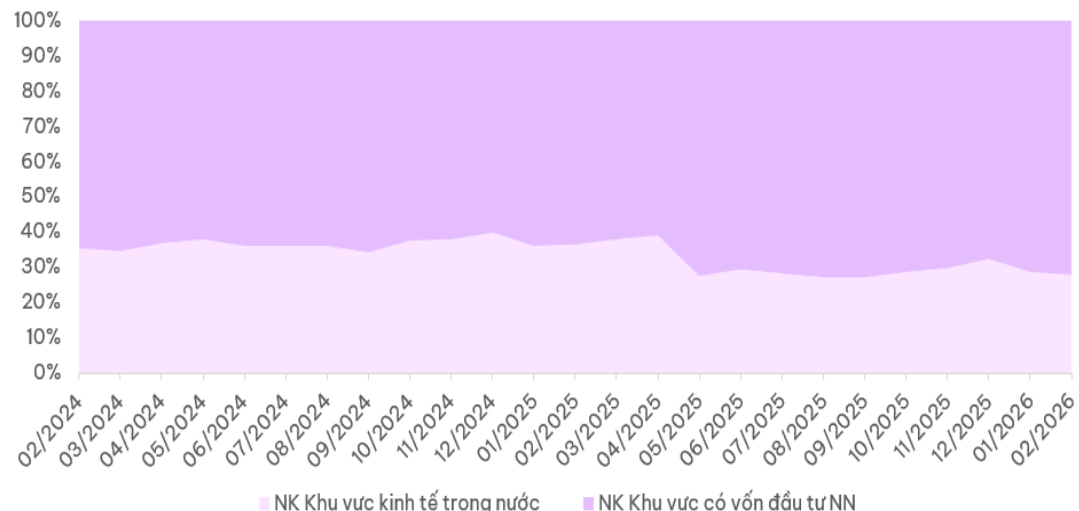
- Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa T2/2026 ước đạt 33,06 tỷ USD, giảm 23,7% so với tháng trước và tăng 5,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 6,44 tỷ USD, giảm 33,1% (MoM); khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 26,62 tỷ USD, giảm 21% (MoM).
- Tổng 2 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 76,36 tỷ USD, tăng 18,3% (YoY). Được thúc đẩy bởi một số mặt hàng có giá trị xuất khẩu trên 5 tỷ USD với mức tăng trưởng cao như: Điện tử, máy tính & linh kiện (+40,9% YoY); Điện thoại các loại và linh kiện (+21% YoY); Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác (+20,6% YoY).
- Trong đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 30,1% với giá trị xuất khẩu đạt 60,4 tỷ USD – chiếm 79,1% tổng kim ngạch xuất khẩu. Trong khi đó, khu vực kinh tế trong nước ghi nhận mức giảm 12% với giá trị xuất khẩu đạt 15,96 tỷ USD – chiếm 20,9% tổng kim ngạch.

**Hình 11: Tăng trưởng nhập khẩu qua các tháng (%YoY)**



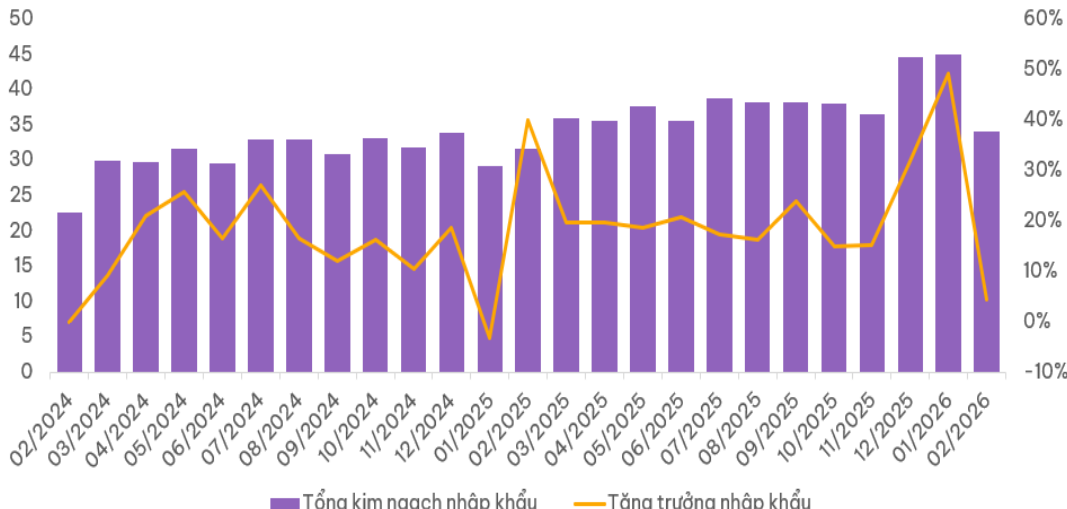
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

**Hình 12: Cơ cấu nhập khẩu theo nhóm qua các tháng (%YoY)**



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

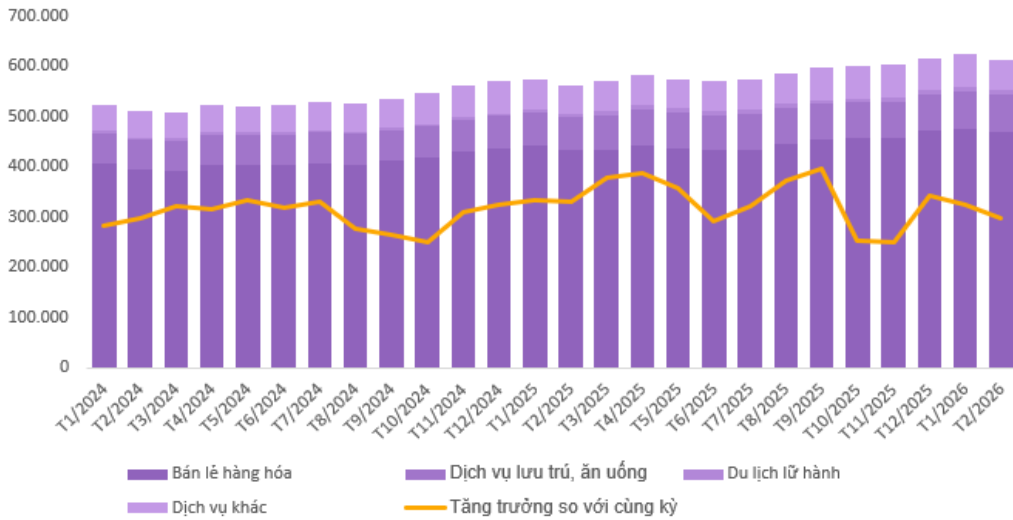
**Hình 13: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa qua các tháng (%YoY)**



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

- Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa T2/2026 đạt 34,1 tỷ USD, giảm 24,6% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 9,55 tỷ USD, giảm 27,5% (MoM); khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 24,55 tỷ USD, giảm 23,4% (MoM). So với cùng kỳ, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa T1/2026 tăng 4,4%. Trong đó, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 31,9 tỷ USD.
- Tính chung hai tháng đầu năm 2026, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 79,34 tỷ USD, tăng 26,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 22,47 tỷ USD, giảm 1,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 56,87 tỷ USD, tăng 42,2%. Theo thống kê, có tới 16 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, trong đó có 2 mặt hàng nhập khẩu trên 5 tỷ USD cùng với mức tăng trưởng cao là: Điện tử, máy tính và linh kiện (+48,3% YoY) và Máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác (+27,9% YoY).

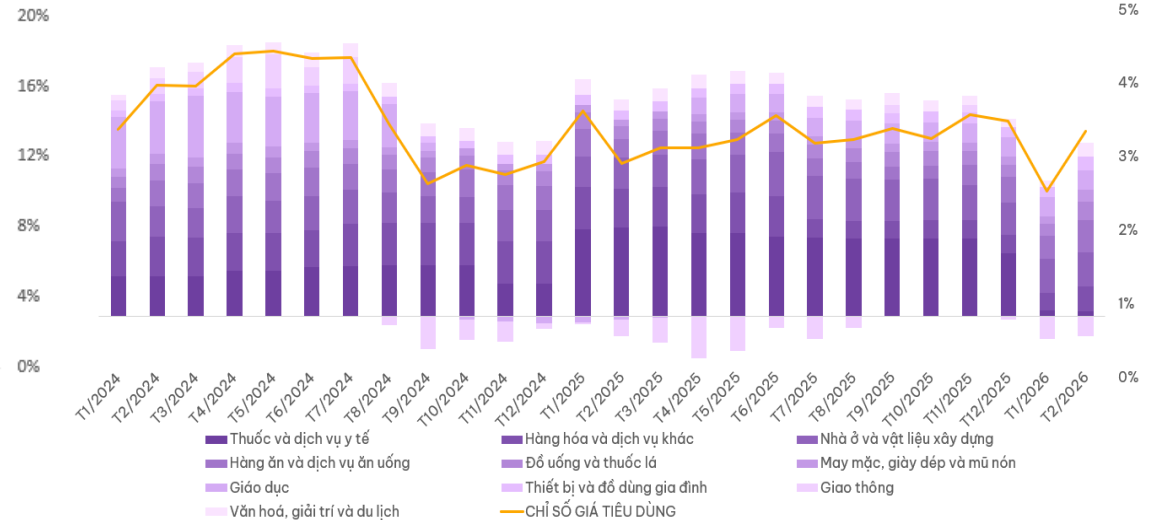
**Hình 14: Doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng qua các tháng**



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành tháng Hai ước đạt 613,7 nghìn tỷ đồng, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu nhóm hàng may mặc tăng 14,3% so với cùng kỳ năm trước do nhu cầu mua sắm của người dân tăng trong dịp Tết Nguyên đán; hàng đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 9,6%; lương thực, thực phẩm tăng 9,0%; dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng 9,7% và du lịch lữ hành tăng 13,8%. Ngoài ra, nhóm dịch vụ khác chiếm 10,3% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng chỉ tăng 4,4% so với cùng kỳ năm trước.
- Tính chung hai tháng đầu năm 2026, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 1.236,6 nghìn tỷ đồng, tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2025 tăng 9,3%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 4,5% (cùng kỳ năm 2025 tăng 6,8%). Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 945,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 76,4% tổng mức và tăng 7,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu nhóm hàng may mặc và đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng cao so với cùng kỳ năm trước, lần lượt là 10,4% và 8,6% do nhu cầu mua sắm hàng hóa tăng và các nhãn hàng đẩy mạnh các chương trình giảm giá, kích cầu tiêu dùng trong các dịp lễ, Tết từ đầu năm đến nay; hàng lương thực, thực phẩm tăng 5,8%; phương tiện đi lại (trừ ô tô) tăng 5,5%; vật phẩm văn hoá, giáo dục tăng 1,5%. Doanh thu bán lẻ hàng hóa hai tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương như sau: Hải Phòng tăng 8,5%; Đà Nẵng tăng 7,9%; Cần Thơ tăng 7,8%; Hà Nội tăng 7,7%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 7,6%.
- Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống hai tháng đầu năm 2026 ước đạt 149,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 12,1% tổng mức và tăng 9,1% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu hai tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương như sau: Đà Nẵng tăng 10,6%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 7,5%; Hải Phòng tăng 7,4%; Cần Thơ tăng 6,2%; Hà Nội tăng 4,8%.
- Doanh thu du lịch lữ hành hai tháng đầu năm 2026 ước đạt 15,0 nghìn tỷ đồng, chiếm 1,2% tổng mức và tăng 12,2% so với cùng kỳ năm trước nhờ sự bùng nổ của khách du lịch nội địa và khách quốc tế đến Việt Nam trong những tháng đón chào năm mới. Doanh thu hai tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương như sau: Cà Mau tăng 23,2%; Quảng Ninh tăng 21,3%; Đà Nẵng tăng 15,9%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 12,1%; Hà Nội tăng 7,3%.
- Doanh thu dịch vụ khác hai tháng đầu năm 2026 ước đạt 127,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,3% tổng mức và tăng 7,3% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu hai tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương như sau: Lào Cai tăng 9,0%; Thanh Hóa tăng 8,1%; Hà Nội tăng 6,2%; Cần Thơ tăng 0,5%; Đồng Tháp giảm 2,2%; Cao Bằng giảm 4,5%.

**Hình 15: Chỉ số CPI và mức tăng trưởng của các nhóm ngành (%YoY)**



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 02/2026 tăng 1,14% so với tháng trước nguyên nhân chính là do giá thực phẩm, ăn uống ngoài gia đình và dịch vụ giao thông tăng do nhu cầu mua sắm, đi lại của người dân tăng trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ. CPI tháng Hai tăng 1,19% so với tháng 12/2025 và tăng 3,35% so với cùng kỳ năm 2025. Bình quân hai tháng đầu năm 2026, CPI tăng 2,94% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 3,47%. Trong mức tăng 1,14% của CPI tháng 02/2026 so với tháng trước các nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính đều tăng giá:

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,02% (tác động làm CPI chung tăng 0,72 điểm phần trăm), trong đó: Lương thực tăng 0,94%; thực phẩm tăng 2,34% (tác động tăng 0,52 điểm phần trăm); ăn uống ngoài gia đình tăng 1,71% (tác động tăng 0,16 điểm phần trăm).

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 1,36% chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng trong dịp Tết Nguyên đán và chi phí dịch vụ liên quan tăng, tập trung ở những mặt hàng sau: Giá nhóm cây, hoa cảnh tăng 9,51%; xem phim, ca nhạc tăng 2,32%; vật cảnh tăng 1,72%; đồ chơi tăng 0,26%; du lịch trọn gói tăng 1,6% do nhu cầu đi du lịch của người dân và chi phí dịch vụ tăng; khách sạn, nhà khách tăng 0,63%. Ở chiều ngược lại, giá thiết bị dụng cụ thể thao giảm 0,12%; sách, báo, tạp chí các loại giảm 0,05%.

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 1,30%, chủ yếu tăng giá ở một số mặt hàng: Nhóm đồ trang sức tăng 8,23% theo giá vàng trong nước; dịch vụ cắt tóc, gội đầu tăng 4,27% do nhu cầu làm đẹp dịp cuối năm tăng cao; dịch vụ chăm sóc cá nhân tăng 3,36%; vật dụng, dịch vụ về hỉ tăng 1,23%; vật dụng dịch vụ về hiếu tăng 0,83%; dịch vụ hành chính, pháp lý tăng 0,27%.

- Nhóm giao thông tăng 1,23% làm CPI chung tăng 0,12 điểm phần trăm, trong đó: Chỉ số giá xăng tăng 1,95%, chỉ số giá dầu diesel tăng 6,34%; giá vận tải hành khách bằng đường hàng không tăng 21,07%; vận tải hành khách bằng đường bộ tăng 3,60%; vận tải hành khách bằng taxi tăng 0,76%; vận tải hành khách bằng xe buýt tăng 0,37%. Dịch vụ giao nhận hành lý và hành lý ký gửi tăng 4,33%; giá phụ tùng ô tô tăng 0,69%; lốp, sửa xe máy tăng 0,60%; lốp, sửa xe đạp tăng 0,50%; phụ tùng khác của xe máy tăng 0,31%; dịch vụ rửa xe, bơm xe tăng 4,42%; dịch vụ bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 2,03%; dịch vụ trông giữ xe tăng 1,75%. Ở chiều ngược lại, chỉ số giá xe ô tô mới giảm 0,07%; xe ô tô đã qua sử dụng giảm 0,39%.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 1,18% do nhu cầu tiêu dùng và sử dụng làm quà biếu tặng tăng vào dịp Tết Nguyên đán làm giá rượu bia tăng 1,69%; giá thuốc hút và đồ uống không cồn cùng tăng 0,59%.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,57% do nhu cầu mua sắm tăng dịp Tết Nguyên đán. Trong đó, giá hàng thủy tinh, sành, sứ tăng 0,91%; đồ dùng bằng kim loại tăng 0,74%; hàng dệt trong nhà tăng 0,63%; giường, tủ, bàn ghế tăng 0,62%; xà phòng và chất tẩy rửa tăng 0,55%; đồ nhựa và cao su tăng 0,54%; bàn là điện tăng 0,44%; nồi điện tăng 0,21%; máy hút bụi tăng 0,09%. Giá dịch vụ trong gia đình tăng 5,01% do nhu cầu thuê người phục vụ dọn dẹp nhà cửa và chăm sóc gia đình tăng vào dịp Tết; giá sửa chữa thiết bị gia đình tăng 0,78% do chi phí nhân công và thay thế linh kiện tăng.

- Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,56% (tác động làm tăng CPI chung 0,13 điểm phần trăm), chủ yếu tăng giá ở một số mặt hàng sau: Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,67%; giá dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 1,02%; giá dịch vụ khác liên quan đến nhà ở tăng 0,44%; giá gas tăng 1,40%; giá điện sinh hoạt tăng 0,52%; nước sinh hoạt tăng 0,72%; giá dịch vụ về điện sinh hoạt tăng 0,80%; dịch vụ về nước sinh hoạt tăng 0,73%; giá dầu hỏa tăng 4,30%.

- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,55% do chi phí nhân công, nguyên vật liệu cùng với nhu cầu mua sắm quần áo và giày dép tăng trong dịp Tết Nguyên đán. Trong đó, giá vải các loại tăng 0,78% so với tháng trước; quần áo may sẵn tăng 0,55%; giày dép tăng 0,49%; may mặc khác tăng 0,68%; dịch vụ may mặc tăng 1,34%; dịch vụ giày dép tăng 1,33%. Riêng mũ nón giảm 0,21% do một số cửa hàng khuyến mại kích cầu tiêu dùng.

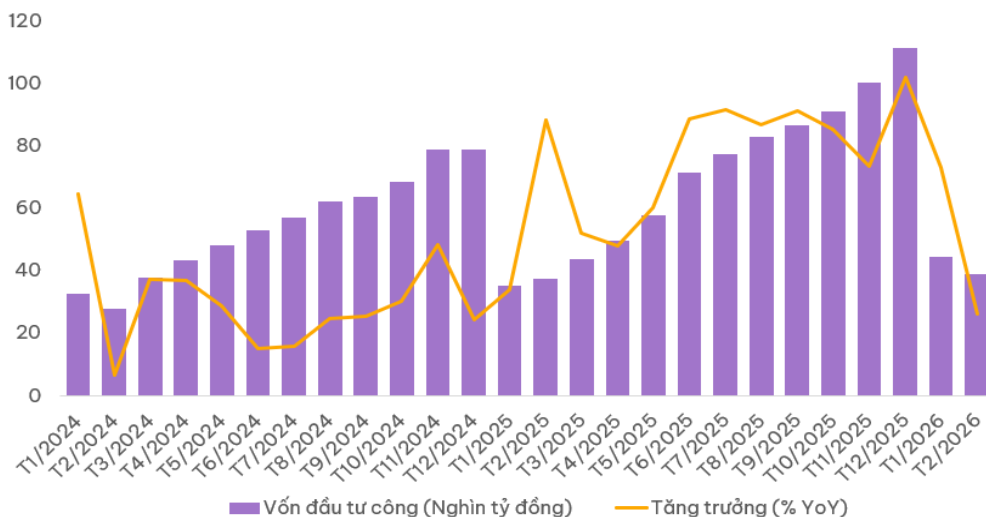
- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,14%, trong đó, chỉ số giá nhóm dịch vụ y tế tăng 0,14%, nhóm thuốc tăng 0,14% do các bệnh cảm cúm, đường hô hấp gia tăng, nhu cầu tiêu dùng các loại thuốc về giảm đau, hạ sốt, đường hô hấp, vitamin và khoáng chất của người dân tăng. Cụ thể, giá thuốc giảm đau hạ sốt, chống viêm không steroid và thuốc điều trị gút và các bệnh xương tăng 0,16%; thuốc tác dụng trên đường hô hấp; nhóm thuốc vitamin và khoáng chất và thuốc đường tiêu hóa cùng tăng 0,08%; thuốc tim mạch tăng 0,13%.

- Nhóm giáo dục tăng 0,09%, trong đó dịch vụ giáo dục tăng 0,09% chủ yếu do một số trung tâm dạy thêm, một số trường tư thục điều chỉnh học phí. Bên cạnh đó, giá sản phẩm từ giấy tăng 0,10%; bút viết các loại tăng 0,20%; nhóm văn phòng phẩm, đồ dùng học tập khác tăng 0,17%.

- Nhóm thông tin và truyền thông tăng 0,01%, trong đó, giá điện thoại cố định tăng 0,28%; máy điện thoại di động thông thường tăng 0,19%; giá dịch vụ sửa chữa điện thoại tăng 0,49% do chi phí nhân công tăng. Ở chiều ngược lại, máy điện thoại di động thông minh và máy tính bảng giảm 0,45%; thiết bị âm thanh giảm 0,43%; phụ kiện máy điện thoại và máy tính bảng giảm 0,25%; ti vi màu giảm 0,18% do các doanh nghiệp tiếp tục điều chỉnh giảm giá bán và triển khai các chương trình khuyến mại, xả hàng cuối năm nhằm kích cầu tiêu dùng.

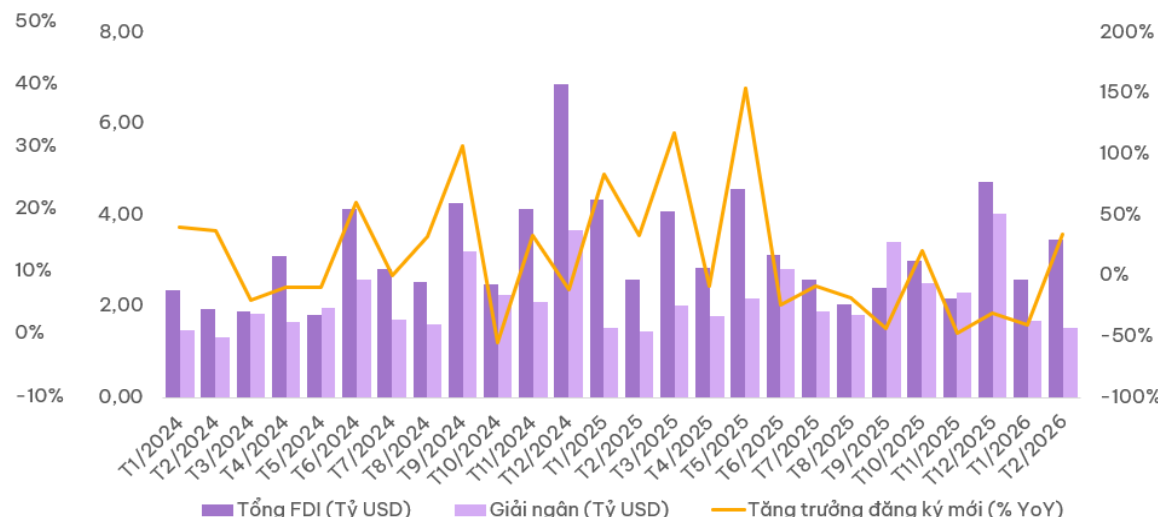
• Lạm phát cơ bản tháng 02/2026 tăng 0,82% so với tháng trước, tăng 3,74% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân hai tháng đầu năm 2026, lạm phát cơ bản tăng 3,47% so với năm trước, cao hơn mức tăng 2,94% của CPI bình quân chung, nguyên nhân chủ yếu do giá lương thực, năng lượng là yếu tố góp phần làm giảm CPI chung nhưng đã được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

**Hình 16: Tăng trưởng đầu tư công qua các tháng (%YoY)**



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

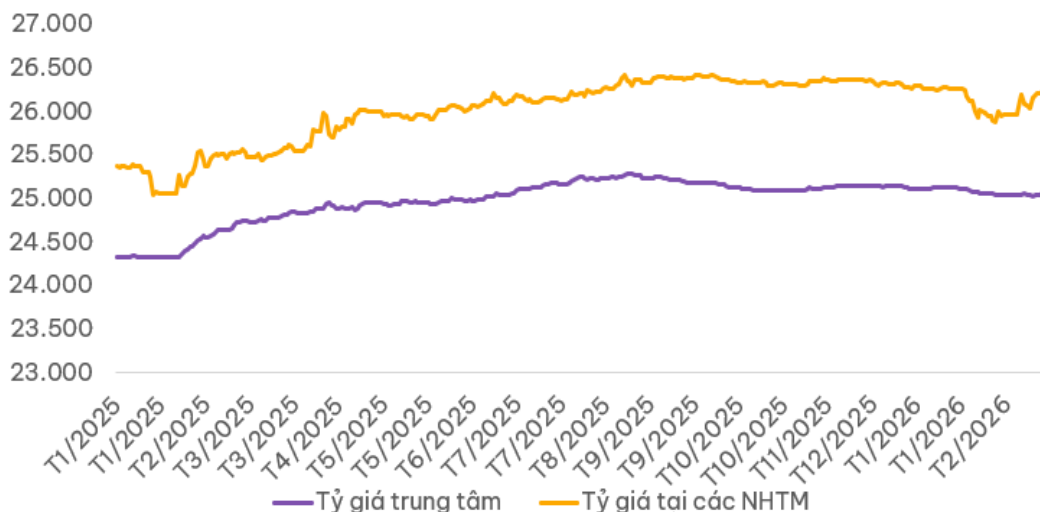
**Hình 17: Tăng trưởng FDI tại Việt Nam qua các tháng (%YoY)**



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

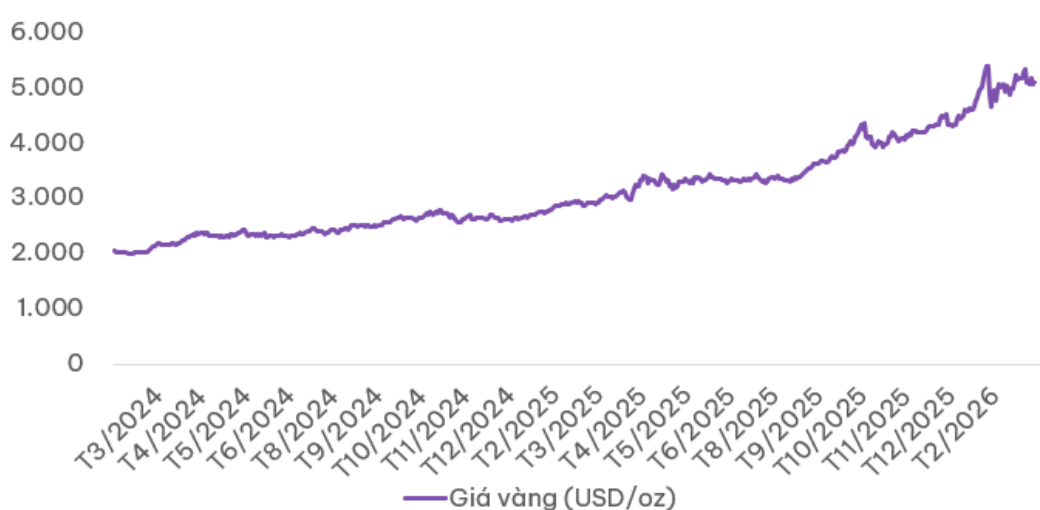
- Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước T1/2026 ước đạt gần 38,9 nghìn tỷ đồng, tăng 0,4% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn Trung ương quản lý đạt 5,8 nghìn tỷ đồng, tăng 5,9%; vốn địa phương quản lý 33,1 nghìn tỷ đồng, giảm 0,5%. Tính chung hai tháng đầu năm 2026, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 83,5 nghìn tỷ đồng, đạt 9,4% kế hoạch năm và tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2025 bằng 7,4% và tăng 24,6%).
- Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 28/02/2026 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 6,03 tỷ USD, giảm 12,6% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký cấp mới có 620 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 3,54 tỷ USD, tăng 20,2% so với cùng kỳ năm trước về số dự án và tăng 61,5% về số vốn đăng ký. Trong đó: ngành công nghiệp chế biến, chế tạo được cấp phép mới đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký đạt 2,63 tỷ USD, chiếm 74,3% tổng vốn đăng ký cấp mới; bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy đạt 358,6 triệu USD, chiếm 10,1%; các ngành còn lại đạt 550,5 triệu USD, chiếm 15,6%.
- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam hai tháng đầu năm 2026 ước đạt 3,21 tỷ USD, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của hai tháng đầu năm trong 5 năm qua. Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 2,65 tỷ USD, chiếm 82,7% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 223,5 triệu USD, chiếm 7,0%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 119,2 triệu USD, chiếm 3,7%.

Hình 18: Tỷ giá USD/VND



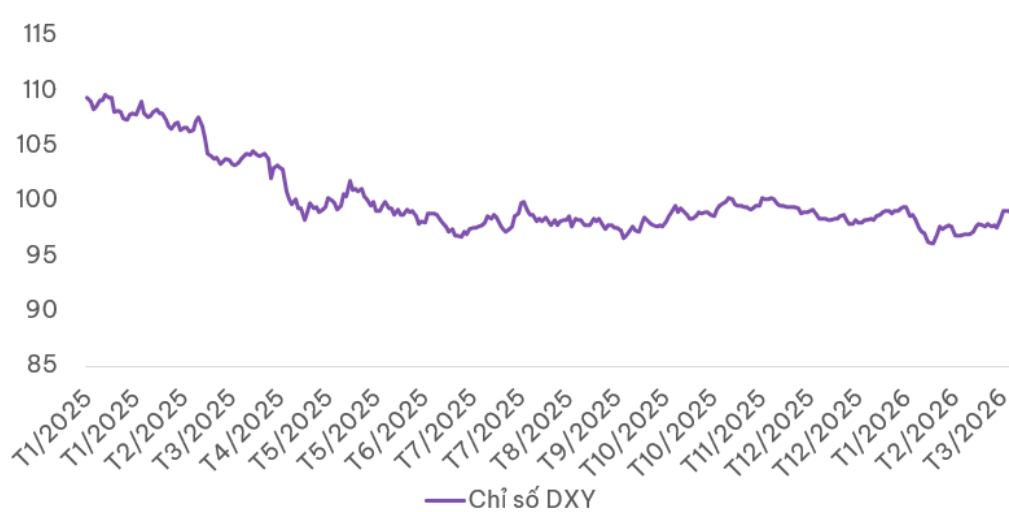
Nguồn: VikkiBankS Research

Hình 20: Giá vàng thế giới



Nguồn: VikkiBankS Research

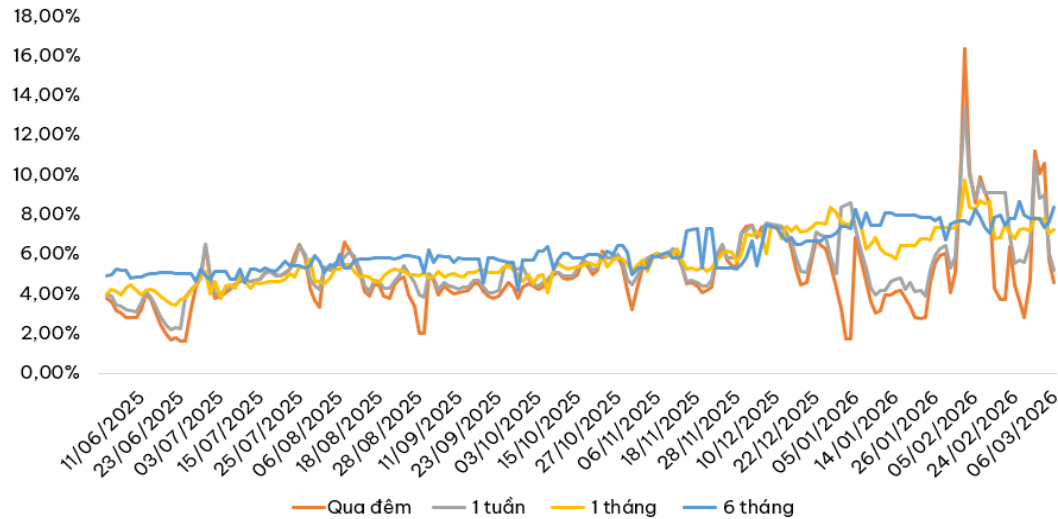
Hình 19: Chỉ số Dollar (DXY)



Nguồn: VikkiBankS Research

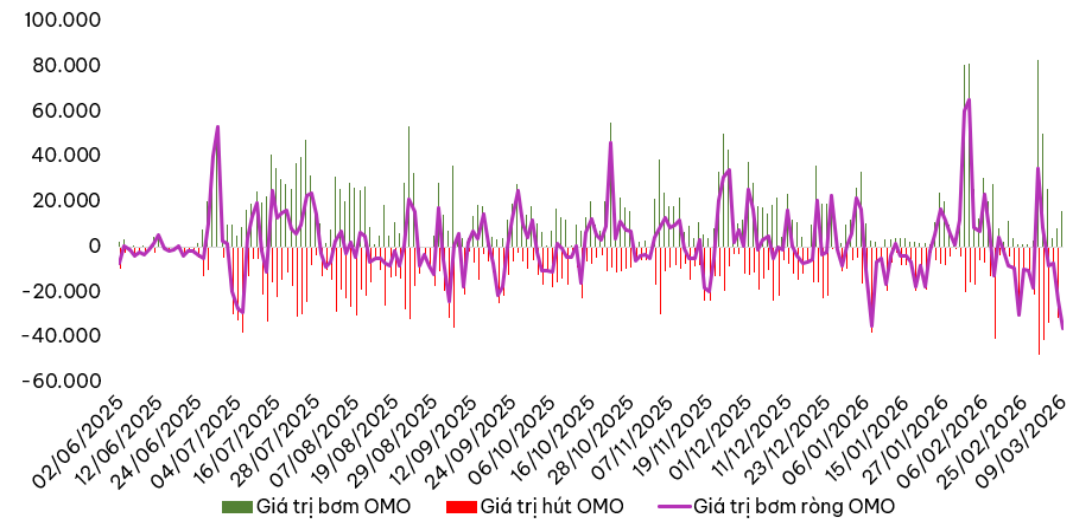
- Tính đến ngày 28/02/2026, chỉ số DXY đạt mức 97,31 điểm, giảm 0,81% so với tháng trước chủ yếu do đồng USD suy yếu tương đối khi một số đồng tiền chủ chốt phục hồi trở lại. Bên cạnh đó, tâm lý thị trường ổn định hơn và xu hướng phân bổ lại dòng vốn đầu tư sang các khu vực khác làm giảm nhu cầu nắm giữ USD trong ngắn hạn, qua đó khiến chỉ số trong tháng giảm.
- Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 28/02/2026, giá vàng thế giới bình quân ở mức 5.023,09 USD/ounce, tăng 6,12% so với tháng trước do nhu cầu của các nhà đầu tư tiếp tục gia tăng trong bối cảnh các bất ổn kinh tế và địa chính trị kéo dài, đặc biệt là căng thẳng thương mại và lo ngại về tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Bên cạnh đó, lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ hạ nhiệt làm tăng sức hấp dẫn của vàng đối với nhà đầu tư, qua đó đẩy đà tăng của giá vàng trong tháng. Trong nước, nhu cầu mua sắm vàng lấy may trong ngày Thần Tài sau Tết Nguyên đán tăng góp phần làm chỉ số giá vàng tháng 02/2026 tăng 11,42% so với tháng trước; tăng 88,42% so với cùng kỳ năm trước; tăng 17,01% so với tháng 12/2025; bình quân hai tháng đầu năm 2026, chỉ số giá vàng tăng 82,67% so với cùng kỳ năm 2025.

**Hình 21: Lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: VikkiBankS Research

**Hình 22: Nghiệp vụ thị trường mở (OMO)**



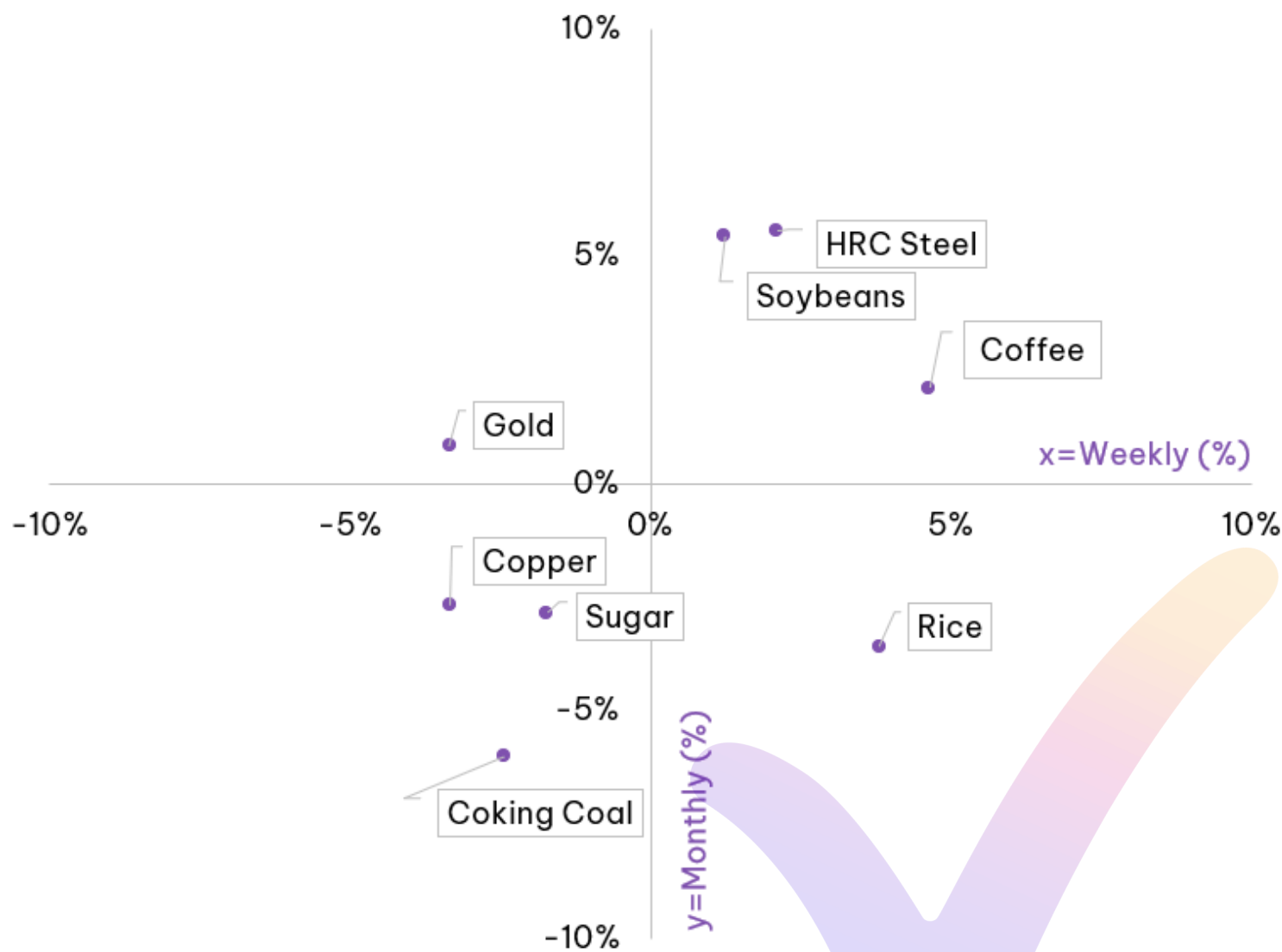
Nguồn: VikkiBankS Research

- Trong bối cảnh lãi suất liên ngân hàng ở tất cả các kỳ hạn tăng mạnh vào các phiên đầu tháng 2, Ngân hàng Nhà nước đã bơm hơn 164 nghìn tỷ đồng ra thị trường thông qua nghiệp vụ cho vay cầm cố giấy tờ có giá với lãi suất 4,5%/năm nhằm hỗ trợ thanh khoản. Dù vậy, trong tuần cuối cùng của tháng 2/2026, NHNN vẫn hút ròng hơn 77 nghìn tỷ đồng, khiến giá trị hút ròng lũy kế của tháng đạt 101 nghìn tỷ đồng.
- Những ngày đầu tháng 3/2026, Ngân hàng Nhà nước đảo chiều bơm ròng mạnh trong bối cảnh lãi suất liên ngân hàng có xu hướng vận động tương tự tháng trước đó. Thống kê tuần giao dịch 02-06/2026, có hơn 170,277 nghìn tỷ trúng thầu trên kênh OMO, kỳ hạn từ 07 - 63 ngày với lãi suất 4,5%. Trong khi, giá trị đáo hạn trên kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá trong kỳ đạt hơn 166,09 nghìn tỷ đồng.

# BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 02-2026

Thứ Ba, 10 Tháng Ba 2026

Name	Price	YoY
Crude Oil (USD/bbl)	89,45	35,01%
Brent (USD/bbl)	93,77	34,80%
Coking Coal (USD/t)	223,00	24,58%
Gold (USD/t.oz)	5.167,70	77,26%
Silver (USD/t.oz)	88,49	169,37%
Copper (USD/lbs)	5,85	22,82%
HRC Steel (USD/t)	1.036,07	11,77%
Sugar (USD/lbs)	14,61	-22,47%
Soybeans (USD/bu)	1.176,47	16,34%
Coffee (USD/lbs)	297,06	-23,22%
Rice (USD/cwt)	10,98	-21,37%



Nguồn: Tradingeconomics, VikkiBankS Research

## TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO

Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) là thành viên của Ngân hàng số Vikki, hiện là một trong các định chế tài chính lớn nhất Việt Nam. VikkiBankS cũng là một thành viên chính thức của thị trường chứng khoán Việt Nam, và đang đi đầu trong một số dịch vụ tài chính có công nghệ cao. Công ty hiện có đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán gồm: Môi giới, Tự doanh, Tư vấn tài chính và Tư vấn đầu tư, Lưu ký chứng khoán.

## HỆ THỐNG CHI NHÁNH

### • Trụ sở chính:

Địa chỉ: 62 - 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 5445

### • Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: 60-70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 4891

### • Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: 181 Nguyễn Lương Bằng, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3944 5175 Fax: (024) 3944 5178 - 3944 5176

## KHUYẾN CÁO

Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như nhà đầu tư cá nhân và không hàm ý đưa ra lời khuyên chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Các quan điểm và nhận định trình bày trong báo cáo không tính đến sự khác biệt về mục tiêu và chiến lược cụ thể của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình. Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) tuyệt đối không chịu trách nhiệm bất kỳ thiệt hại nào liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin của báo cáo này.

Các quan điểm, nhận định, đánh giá trong báo cáo là quan điểm cá nhân của cá nhân người viết mà không đại diện cho quan điểm của VikkiBankS và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VikkiBankS thu thập từ nguồn đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, VikkiBankS không đảm bảo độ chính xác thông tin này.

Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi VikkiBankS. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của VikkiBankS. Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.